

# **Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

# Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ cấp, và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy CNĐKKD”) số 2600114002 ngày 22 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp, và các Giấy CNĐKKD và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Rượu Đồng Xuân	Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn	Khu 7, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thìn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hoàng Thanh Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Dương Thế Quang	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tiến	Giám đốc
Ông Bùi Như Thường	Phó Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Tiến.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tray mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Hồng Tiến  
Giám đốc

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số điện thoại: 61285332/18888028

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ vào ngày 20 tháng 4 năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bổ sung cho các năm 2013, 2014 và 2015.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Văn Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

ĐƠN  
CƠ  
CH  
H  
NS  
Y  
VI  
A  
1-7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>98.319.761.443</b>	<b>107.400.271.288</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>43.248.468.715</b>	<b>2.108.220.110</b>
111	1. Tiền		3.248.468.715	2.108.220.110
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>15.893.318.939</b>	<b>54.245.966.180</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	14.556.978.094	24.552.615.658
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	386.720.127	592.061.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.729.828.467	30.881.497.271
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.780.207.749)	(1.780.207.749)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>38.016.158.024</b>	<b>40.497.922.728</b>
141	1. Hàng tồn kho		38.016.158.024	40.497.922.728
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.161.815.765</b>	<b>548.162.270</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.090.307.905	128.891.982
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	71.507.860	419.270.288
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>63.585.472.444</b>	<b>64.133.804.543</b>
210	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>431.771.790</b>	<b>431.771.790</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		431.771.790	431.771.790
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>35.364.160.933</b>	<b>37.250.449.328</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	35.364.160.933	37.250.449.328
222	Nguyên giá		200.858.512.472	196.378.375.670
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(165.494.351.539)	(159.127.926.342)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>3.506.618.284</b>	<b>3.937.363.730</b>
231	1. Nguyên giá		8.650.204.623	8.650.204.623
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.143.586.339)	(4.712.840.893)
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.530.500.000</b>	<b>8.530.500.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	8.530.500.000	8.530.500.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.752.421.437</b>	<b>13.983.719.695</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	15.752.421.437	13.983.719.695
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>161.905.233.887</b>	<b>171.534.075.831</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>87.782.850.398</b>	<b>96.326.986.678</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>87.782.850.398</b>	<b>95.526.986.678</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	17.906.794.923	35.909.117.314
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	2.327.603.370	1.413.443.533
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	16.924.547.728	16.841.916.952
314	4. Phải trả người lao động		2.565.032.048	1.408.563.982
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.103.197.457	2.031.318.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	800.000.000	1.200.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	11.251.493.370	9.057.302.933
320	8. Vay ngắn hạn	17	34.900.483.669	27.648.939.940
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.697.833	16.384.024
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>800.000.000</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	-	800.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>74.122.383.489</b>	<b>75.207.089.153</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>74.122.383.489</b>	<b>75.207.089.153</b>
411	1. Vốn cổ phần		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		19.124.168.600	18.179.421.579
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.998.214.889	27.027.667.574
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.713.902.641	22.219.677.015
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		9.284.312.248	4.807.990.559
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>161.905.233.887</b>	<b>171.534.075.831</b>

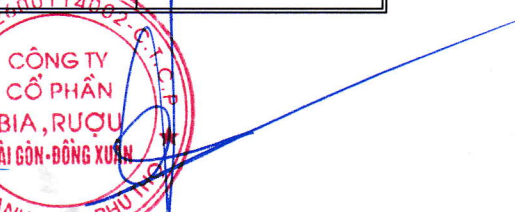


Phùng Thị Hiền Lương  
Người lập



Hoàng Thị Bình  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hồng Tiến  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	250.432.371.989	230.221.924.787
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(362.038.406)	(724.189.442)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	250.070.333.583	229.497.735.345
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(214.257.207.595)	(192.848.263.377)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.813.125.988	36.649.471.968
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	2.520.788.696	2.872.215.510
22	7. Chi phí tài chính	21	(2.122.586.701)	(252.642.193)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.980.768.080)	(48.479.003)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(14.379.087.386)	(11.036.855.504)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(10.872.380.336)	(10.817.845.143)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.959.860.261	17.414.344.638
31	11. Thu nhập khác	24	479.433.148	213.022.714
32	12. Chi phí khác	24	(167.059.348)	(683.154.277)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	24	312.373.800	(470.131.563)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.272.234.061	16.944.213.075
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(1.987.921.813)	(3.434.224.876)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		9.284.312.248	13.509.988.199



Phùng Thị Hiền Lương  
Người lập



Hoàng Thị Bình  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11.272.234.061</b>	<b>16.944.213.075</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	8, 9	7.961.977.913	7.580.649.600
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.878.558)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.890.170.013)	(2.859.174.245)
06	Chi phí lãi vay	21	1.980.768.080	48.479.003
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>18.319.931.483</b>	<b>21.714.167.433</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		38.680.454.149	(2.268.429.838)
10	Giảm hàng tồn kho		2.481.764.704	9.778.577.066
11	Giảm các khoản phải trả		(15.381.206.045)	(36.316.353.060)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.730.117.665)	(2.536.423.172)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.851.835.760)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.485.394.586)	(3.742.025.006)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	6.301.920.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.797.204.074)	(7.198.817.933)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>33.236.392.206</b>	<b>(14.267.384.510)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.644.944.072)	(11.895.977.140)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		439.272.727	-
23	Tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		-	(10.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		10.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		2.450.897.286	2.859.174.245
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>7.245.225.941</b>	<b>(19.036.802.895)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	17	119.454.424.431	27.648.939.940
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(112.202.880.702)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(6.592.765.029)	(16.971.397.290)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>658.778.700</b>	<b>10.677.542.650</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		41.140.396.847	(22.626.644.755)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.108.220.110	24.734.864.865
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(148.242)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	43.248.468.715	2.108.220.110



Phùng Thị Hiền Lương  
Người lập



Hoàng Thị Bình  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ cấp, và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“Giấy CNĐKKD”) số 2600114002 ngày 22 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp, và các Giấy CNĐKKD và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh sau:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Rượu Đồng Xuân	Khu 6, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Nhà máy Bia Sài Gòn	Khu 7, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 186 (31 tháng 12 năm 2015: 187 nhân viên).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) và được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	4 năm

**3.6 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	25 năm
-----------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo như nội dung của đoạn tiếp theo.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Bao bì luân chuyển bao gồm vỏ chai, két nhựa và pallet được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn.*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông Thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế hiện hành với thuế hiện hành phải nộp và các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	419.196.741	146.233.589
Tiền gửi ngân hàng	2.829.271.974	1.961.986.521
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.248.468.715</u></b>	<b><u>2.108.220.110</u></b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 5,0% một năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	10.508.899.864	8.739.371.431
- Pomegranate C Pte. Ltd	5.962.376.511	-
- Công ty Cổ phần Thương mại New Invention	1.194.101.042	3.977.351.042
- Công ty Cổ phần Vietglobe Beverages Việt Nam	1.001.524.350	2.191.099.680
- Các khách hàng khác	2.350.897.961	2.570.920.709
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.048.078.230	15.813.244.227
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.556.978.094</u></b>	<b><u>24.552.615.658</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(557.198.073)	(557.198.073)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>13.999.780.021</u></b>	<b><u>23.995.417.585</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty TNHH Thương mại và Kỹ thuật V.M.S	135.808.827	-
Công ty Cổ phần Đường Man	101.116.000	-
Trung tâm Môi trường Đô thị và Công nghiệp CETIA	88.800.000	88.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Môi trường An Phú	52.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.995.300	503.261.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>386.720.127</b>	<b>592.061.000</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thanh toán thư tín dụng	745.166.016	-
Phải thu phát sinh từ trước cổ phần hóa	729.251.676	729.251.676
Phải thu UBND tỉnh Phú Thọ về chi phí san lấp mặt bằng	493.769.000	493.769.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt bổ sung phải thu từ Công ty mẹ	-	28.725.816.608
Tạm ứng cho công nhân viên	93.484.951	390.268.349
Khác	668.156.824	542.391.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.729.828.467</b>	<b>30.881.497.271</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	<i>2.702.275.305</i>	<i>2.155.680.663</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>27.553.162</i>	<i>28.725.816.608</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.223.009.676)	(1.223.009.676)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.506.818.791</b>	<b>29.658.487.595</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ và bao bì luân chuyển	12.924.590.764	10.304.828.995
Thành phẩm	11.822.771.082	13.097.647.239
Nguyên vật liệu	8.483.169.732	9.406.818.698
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.731.553.108	7.634.554.458
Hàng gửi đi bán	54.073.338	54.073.338
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.016.158.024</b>	<b>40.497.922.728</b>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị và dụng cụ quân lý	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	24.362.540.352	164.889.536.605	6.874.857.509	251.441.204	196.378.375.670
Mua mới	322.248.027	5.322.696.045	-	-	5.644.944.072
Thanh lý	-	-	(1.164.807.270)	-	(1.164.807.270)
Số cuối năm	24.684.788.379	170.212.232.650	5.710.050.239	251.441.204	200.858.512.472
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	9.699.316.811	105.681.060.075	1.638.956.400	251.441.204	117.270.774.490
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	(16.071.873.035)	(138.140.227.105)	(4.667.876.112)	(247.950.090)	(159.127.926.342)
Khấu hao trong năm	(1.076.081.000)	(6.013.331.409)	(438.328.944)	(3.491.114)	(7.531.232.467)
Thanh lý	-	-	1.164.807.270	-	1.164.807.270
Số cuối năm	(17.147.954.035)	(144.153.558.514)	(3.941.397.786)	(251.441.204)	(165.494.351.539)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	8.290.667.317	26.749.309.500	2.206.981.397	3.491.114	37.250.449.328
Số cuối năm	7.536.834.344	26.058.674.136	1.768.652.453	-	35.364.160.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>VND</i>
	<i>Nhà xưởng</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>8.650.204.623</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	(4.712.840.893)
Khấu hao trong năm	<u>(430.745.446)</u>
Số cuối năm	<u>(5.143.586.339)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>3.937.363.730</u>
Số cuối năm	<u>3.506.618.284</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

**10. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ (*)	<u>8.530.500.000</u>	<u>8.530.500.000</u>

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh thực tế, Ban Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư lớn hơn giá gốc tại ngày này.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ và dụng cụ	523.048.803	76.442.274
Chi phí vật dụng quảng cáo	392.982.435	-
Khác	<u>174.276.667</u>	<u>52.449.708</u>
	<u>1.090.307.905</u>	<u>128.891.982</u>
<b>Dài hạn</b>		
Bao bì luân chuyển	12.966.820.339	8.802.757.544
Công cụ và dụng cụ	822.691.790	1.067.075.289
Chi phí sửa chữa	783.989.604	1.030.791.952
Chi phí vật dụng quảng cáo	144.328.802	2.166.828.123
Khác	<u>1.034.590.902</u>	<u>916.266.787</u>
	<u>15.752.421.437</u>	<u>13.983.719.695</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>16.842.729.342</b></u>	<u><b>14.112.611.677</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	10.617.629.323	29.391.803.610
Phải trả bên thứ ba	7.289.165.600	6.517.313.704
- Công ty Cổ phần Hanacans	2.159.573.519	851.914.676
- Các nhà cung cấp khác	5.129.592.081	5.665.399.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.906.794.923</u></b>	<b><u>35.909.117.314</u></b>

**12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Far East Distillers Pte. Ltd	1.730.430.800	-
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd	382.120.092	-
Các khách hàng khác	215.052.478	1.413.443.533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.327.603.370</u></b>	<b><u>1.413.443.533</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.609.601.821	146.706.906.128	148.612.506.103	12.704.001.846
Thuế giá trị gia tăng	1.365.381.151	38.631.254.909	36.140.179.055	3.856.457.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	720.167.370	1.987.921.813	2.485.394.586	222.694.597
Thuế thu nhập cá nhân	-	120.753.519	-	120.753.519
Thuế tài nguyên	-	9.633.420	-	9.633.420
Khác	146.766.610	-	135.759.269	11.007.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.841.916.952</u></b>	<b><u>187.456.469.789</u></b>	<b><u>187.373.839.013</u></b>	<b><u>16.924.547.728</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	213.577.121	1.261.173.945	1.474.751.066	-
Thuế thu nhập cá nhân	134.185.307	268.191.476	402.376.783	-
Khác	71.507.860	-	-	71.507.860
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>419.270.288</u></b>	<b><u>1.529.365.421</u></b>	<b><u>1.877.127.849</u></b>	<b><u>71.507.860</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	638.933.915	888.766.975
Chi phí bản quyền Henninger	464.263.542	1.094.072.022
Các khoản phải trả khác	-	48.479.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.103.197.457</u></b>	<b><u>2.031.318.000</u></b>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản doanh thu nhận trước từ Công ty Cổ phần Vietglobe Beverages Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê mặt bằng số 36/2015/HDKT-SGDĐ-VGB ngày 3 tháng 6 năm 2015.

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.597.757.530	6.766.703.530
Cổ tức phải trả	1.638.877.954	2.231.642.983
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	14.857.886	58.956.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.251.493.370</u></b>	<b><u>9.057.302.933</u></b>
Trong đó:		
Phải trả bên thứ ba	10.951.493.370	9.057.302.933
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	300.000.000	-

**17. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Vay mới	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>27.648.939.940</u>	<u>119.454.424.431</u>	<u>112.202.880.702</u>	<u>34.900.483.669</u>

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh, Thành phố Hà Nội	<u>34.900.483.669</u>	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	5	Tin chấp

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ đã góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	30.000.000.000	16.828.422.759	40.381.439.636	87.209.862.395
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	13.509.988.199	13.509.988.199
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.350.998.820)	(1.350.998.820)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.350.998.820	(1.350.998.820)	-
Điều chỉnh bổ sung chi phí sáp nhập doanh nghiệp theo Thông báo số 119/TB-KTNN	-	-	(1.458.001.627)	(1.458.001.627)
Chi thường cán bộ công nhân viên theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 34/2015/QĐ-HĐQT	-	-	(1.607.597.914)	(1.607.597.914)
Hỗ trợ nhân viên mất việc làm theo biên bản họp HĐQT số 34/2015/QĐ-HĐQT	-	-	(3.096.163.080)	(3.096.163.080)
Cổ tức công bố	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số cuối năm	30.000.000.000	18.179.421.579	27.027.667.574	75.207.089.153
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	30.000.000.000	18.179.421.579	27.027.667.574	75.207.089.153
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.284.312.248	9.284.312.248
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	944.747.021	(944.747.021)	-
Cổ tức công bố	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.369.017.912)	(4.369.017.912)
Số cuối năm	30.000.000.000	19.124.168.600	24.998.214.889	74.122.383.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	%	Giá gốc	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.370.500.000	51	15.370.500.000	51
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	1.500.000.000	5	1.500.000.000	5
Các đối tượng khác	13.129.500.000	44	13.129.500.000	44
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	6.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức đã trả	6.592.765.029	16.971.397.290

**18.4 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>250.432.371.989</b>	<b>230.221.924.787</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	246.049.811.511	227.301.453.297
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.382.560.478	2.920.471.490
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(362.038.406)</b>	<b>(724.189.442)</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(362.038.406)	(724.189.442)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>250.070.333.583</u></b>	<b><u>229.497.735.345</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	245.687.773.105	226.577.263.855
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.382.560.478	2.920.471.490
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	109.968.198.923	87.520.856.927
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	140.102.134.660	141.976.878.418

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức nhận được	2.132.625.000	1.706.100.000
Lãi tiền gửi	318.272.286	1.153.074.245
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	69.891.410	13.041.265
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.520.788.696</u></b>	<b><u>2.872.215.510</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng bán	210.410.392.662	191.210.156.878
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	3.846.814.933	1.638.106.499
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>214.257.207.595</u></b>	<b><u>192.848.263.377</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.980.768.080	48.479.003
Khác	141.818.621	204.163.190
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.122.586.701</u></b>	<b><u>252.642.193</u></b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dụng cụ quảng cáo, khuyến mãi	5.250.582.009	4.494.810.100
Chi phí vận chuyển	3.478.243.249	1.094.143.302
Chi phí nhân viên	1.886.877.169	2.279.118.666
Chi phí vật liệu	758.260.316	1.574.789.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	426.823.860	451.055.971
Khác	2.578.300.783	1.142.938.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.379.087.386</u></b>	<b><u>11.036.855.504</u></b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.583.582.638	4.944.033.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.129.770.006	511.881.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.508.816	451.537.516
Chi phí vật liệu văn phòng	166.648.240	506.795.800
Khác	3.675.870.636	4.403.596.452
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.872.380.336</u></b>	<b><u>10.817.845.143</u></b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>479.433.148</b>	<b>213.022.714</b>
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	439.272.727	-
Khác	40.160.421	213.022.714
<b>Chi phí khác</b>	<b>(167.059.348)</b>	<b>(683.154.277)</b>
Khác	(167.059.348)	(683.154.277)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b><u>312.373.800</u></b>	<b><u>(470.131.563)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	192.239.830.649	189.001.655.732
Chi phí nhân công	18.085.129.225	15.723.584.869
Chi phí khấu hao	8.056.027.900	7.635.590.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.819.253.779	7.761.400.148
Khác	9.697.848.671	7.471.641.803
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>237.898.090.224</u></b>	<b><u>227.593.873.490</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.987.921.813</u>	<u>3.434.224.876</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>11.272.234.061</b>	<b>16.944.213.075</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%)	2.254.446.812	3.727.726.876
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ	160.000.001	81.840.000
Cổ tức nhận được	(426.525.000)	(375.342.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>1.987.921.813</u></b>	<b><u>3.434.224.876</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	138.324.036.295	-
		Mua nguyên vật liệu	91.819.732.212	95.076.444.272
		Chia cổ tức	-	9.222.300.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	140.073.092.170
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1.991.777.176	-
		Bán hàng hóa	627.314.000	18.634.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.150.784.365	1.885.152.248
		Mua nguyên vật liệu	412.455.290	930.485.609
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	408.254.000	-
Công ty TNHH MTV Sài Gòn – Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	158.038.000	102.300.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Thuê kho	45.000.000	-
		Mua nguyên vật liệu	7.050.000	65.740.000
		Chia cổ tức	-	900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	4.048.078.230	6.015.480
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	15.630.529.200
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	107.949.547
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	68.750.000
			<b>4.048.078.230</b>	<b>15.813.244.227</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	28.725.816.608
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phí sử dụng vỏ chai	27.553.162	-
			<b>27.553.162</b>	<b>28.725.816.608</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua vỏ lon, vật tư	8.686.997.275	29.376.799.610
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Mua công cụ, dụng cụ	7.755.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Mua vỏ lon	1.922.877.048	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua vỏ lon	-	15.004.000
			<b>10.617.629.323</b>	<b>29.391.803.610</b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Cổ tức	300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và các lợi ích khác	<u>1.604.000.000</u>	<u>1.994.333.502</u>

**28. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.454.411.041	767.513.746	230.221.924.787
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(191.703.486.428)	(1.144.776.949)	(192.848.263.377)
Thu nhập khác	980.536.460	(767.513.746)	213.022.714
Chi phí khác	(1.827.931.226)	1.144.776.949	(683.154.277)

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Phùng Thị Hiền Lương  
Người lập



Hoàng Thị Bình  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017